

bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
sinh viên dự thi: 31 Số bài: 31 Số tờ: 31

Ngày 29 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 [Signature]
Phan Thị Kim Hà

Cán bộ coi thi 2 [Signature]

Xác nhận của bộ môn TAIC

Cán bộ chấm thi 1 [Signature]

Cán bộ chấm thi 2 _____

Hồ Ngọc Trâm

[Signature]
ThS. Ca Mỹ Ngà



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi 1) - Tổ 004 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi HD204

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07333167	NGUYỄN THỊ HỒNG	THÚY	16/09/89		6	sáu
2	07333170	NGUYỄN THỊ	THÚY	22/06/89		5	năm
3	07333169	NGUYỄN THỊ HỒNG	THÚY	10/01/89		5	năm
4	07333173	TRẦN BẢO DUY	THƯƠNG	05/09/89		6	sáu
5	07333174	CẨM BÁ	THƯƠNG	07/07/88		4	bốn
6	07333176	LÊ QUANG	TIỆP	21/05/89	✓	✓	
7	07333177	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	02/10/89		5	năm
8	07333179	LÃ THU	TRANG	25/08/88		5	năm
9	07333215	LÊ THỊ YẾN	TRANG	23/10/88		5	năm
10	07333183	NGUYỄN NHẬT	TRẦN	01/04/89		5	năm
11	07333184	ĐẶNG THỊ	TREO	07/07/88		5	năm
12	07333186	HOÀNG VĂN	TRÍ	01/01/89		5	năm
13	07333185	LƯƠNG MINH	TRÍ	19/09/89	✓	3	ba
14	07333187	NGUYỄN HOÀI	TRÌNH	07/10/89		✓	
15	07333188	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	13/05/87		7	bảy
16	07333189	HUYỀN NGỌC	TRỰC	10/07/87		6	sáu
17	07333191	LÊ CẨM	TÚ	01/04/88		4	bốn
18	07333192	NGUYỄN HOÀI	TUẦN	01/01/89	✓	5	năm
19	07333193	NGUYỄN THANH	TÙNG	09/01/89		✓	
20	07333194	TRẦN THỊ BÍCH	TUYỀN	02/03/88		6	sáu
21	07333197	TRƯƠNG THỊ TINH	TUOM	09/03/88		6	sáu
22	07333198	HUYỀN ANH KIM	UYẾN	25/11/89	✓	6	sáu
23	07333200	TRƯƠNG LÊ TỔ	UYẾN	08/09/88		✓	
24	07333203	VƯƠNG NGUYỄN	VI	18/06/88	✓	5	năm
25	07333204	LÊ ANH	VIÊN	14/04/88		✓	
26	07333208	TRỊNH MINH	VŨ	02/08/89	✓	5	năm
27	07333210	NGUYỄN THUY MỘNG	VY	06/10/88	✓	✓	
28	07333211	BÙI THỊ NGỌC	XUÂN	11/10/89		7	bảy
29	07333212	NGUYỄN THỊ NGỌC	XUÂN	21/06/87	✓	7	bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 22 Số bài: 22 Số tờ: 22

Ngày 29 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Đạt

Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Thị Bích Trâm

Xác nhận của bộ môn TAKE

Cán bộ chấm thi 1 Nguyễn

Cán bộ chấm thi 2 _____

Nguyễn Thị Bích Trâm
ThS. Bà Mỹ Ngọc

Hồ Ngọc Trâm



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi C200

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07333002	ĐẶNG TUẤN	ANH	16/07/88		6	sáu
2	07333003	TRƯƠNG PHƯỚC THIÊN	ÂN	04/07/89		6	sáu
3	07333005	NGUYỄN THỊ BÉ	BÁY	19/02/86		✓	✓
4	07333006	LƯU KIM	BÌNH	28/01/87		6	sáu
5	07333007	NGUYỄN THỊ NHÃ	BÌNH	18/07/88		5	năm
6	07333010	LÊ VĂN	CẦN	21/06/89		✓	✓
7	07333011	NGUYỄN TRẦN	CHÂU	27/10/89		4	bốn
8	07333015	NGUYỄN VĂN	CHON	02/02/89		5	năm
9	07333016	HUỲNH ANH	CHỨC	10/10/89		✓	✓
10	07333017	NGUYỄN THANH	CHỨC	27/09/87		3	ba
11	07333018	HỒ PHÚC	CÔNG	11/02/89		5	năm
12	07333020	ĐỖ CÔNG	DANH	09/11/88		5	năm
13	07333021	TRẦN HẠNH	DIỆU	06/04/88		5	năm
14	07333023	CẦN KIM	DỪNG	05/10/89		5	năm
15	07333024	HUỲNH THANH	DỪNG	25/04/89		5	năm
16	07333028	NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	15/04/89		4	bốn
17	07333027	TỬ NGỌC	DUY	04/01/87		7	bảy
18	07333026	VIỆC LỮ MINH	DUY	17/06/89		7	bảy
19	07333030	NGUYỄN NGỌC	DUYỄN	30/12/88		5	năm
20	07333031	NGUYỄN HỮU	DUYỄN	01/10/86		✓	✓
21	07333032	HUỲNH THỊ NGỌC	ĐANG	08/02/89		✓	✓
22	07333033	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	07/07/89		4	bốn
23	07333035	NGUYỄN HẢI	ĐƯỜNG	22/07/88		5	năm
24	07333036	TẠ VĂN	ĐƯỜNG	04/05/89		5	năm
25	07333037	TRẦN THỊ NGỌC	GIÁU	01/10/89		7	bảy
26	07333043	HOÀNG VIỆT	HÀ	15/12/88		7	bảy
27	07333039	HỒ THỊ NGỌC	HÀ	24/02/89		5	năm
28	07333038	NGUYỄN THỊ HẢI	HÀ	16/04/89		✓	✓
29	07333041	TÀI NGỌC	HÀ	04/05/88		5	năm
30	07333214	LÊ VŨ	HẢI	10/11/88		5	năm
31	07333047	DƯƠNG THỊ	HÀNH	20/10/87		5	năm
32	07333045	ĐẶNG ĐỨC	HÀNH	06/09/89		6	sáu
33	07333048	ĐỖ THỊ	HÀNH	19/10/88		6	sáu
34	07333050	PHAN THỊ THU	HẰNG	08/05/89		7	bảy
35	07333052	LÊ PHƯỚC	HIỀN	07/05/89		4	bốn
36	07333055	HỒ THỊ THANH	HOA	10/10/89		✓	✓

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07333056	NGUYỄN HIẾU	HÒA	02/01/89		5	năm
38	07333057	HUYỀNH NGOC	HOÀI	01/01/88		5	năm
39	07333058	NGUYỄN HUY	HOÀNG	05/12/89		6	sáu
40	07333059	NGÔ THỊ	HUỆ	30/09/88		6	sáu
41	07333063	BUI TUẤN	HÙNG	16/12/88		5	năm
42	07333066	DƯƠNG NHỰT	HUY	06/03/89		5	năm
43	07333065	NGUYỄN HỮU	HUY	09/07/88		5	năm
44	07333067	NGUYỄN THÀNH	HUY	09/07/89		5	năm
45	07333068	TRẦN NGUYỄN HA	HUYỀN	06/01/88		6	sáu
46	07333069	ĐẶNG THỊ	HƯƠNG	10/10/86		5	năm
47	07333070	PHẠM THỊ	HƯƠNG	25/02/89		6	sáu
48	07333071	LÊ THỊ THU	HƯỜNG	04/07/89		5	năm
49	07333072	LÊ HOÀNG	KHANH	/ / 88		5	năm
50	07333073	PHẠM VĂN	KHÔI	28/10/88		4	bốn
51	07333074	BUI DUY	KHƯƠNG	15/09/89		6	sáu
52	07333075	NGUYỄN VĂN	KỶ	10/12/86		5	năm
53	07333076	NGUYỄN THỊ	LAN	17/02/87		5	năm
54	07333077	PHẠM THỊ	LAN	14/11/88		7	bảy
55	07333078	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LANH	18/07/88		6	sáu
56	07329061	VÕ THANH	LÂM	24/09/89		5	năm
57	07333079	VÕ THÀNH TRÚC	LÂM	22/09/89		6	sáu
58	07333080	LỮ DUY	LÂN	19/07/87		4	bốn

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Ngày 29 tháng 06 năm 2008

Số sinh viên dự thi: 46 Số bài: 46 Số tờ: 46

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Lê Nguyễn Mai Anh

Lê Ngọc Dung

Xác nhận của bộ môn TAIC

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Hồ Ngọc Trâm

ThS. Tạ Mỹ Ngọc



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07CK (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD104

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07118021	TRẦN VĂN CHUÔNG	20/03/88			5	năm
2	07118022	PHẠM VĂN DƯƠNG	06/03/89			5	năm
3	07118023	LÊ ANH DƯỠNG	18/01/89			5	năm
4	07118002	TRẦN VĂN GIANG	17/05/84			5	năm
5	07118003	ĐỖ ĐÌNH GIÁP	08/08/87			3	ba
6	07118004	ĐÀO VĨNH HIẾN	30/10/88			6	sáu
7	07118005	TRẦN TIẾN HÙNG	01/01/89			5	năm
8	07118006	PHẠM NGỌC HUNG	03/01/88			3	ba
9	07118007	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	01/09/88				vắng
10	07118025	HOÀNG PHÚC LỘC	28/08/88			5	năm
11	07118008	BÙI HỮU LỢI	19/06/89			7	bảy
12	07118009	PHAN VĂN LỢI	08/04/89			4	bốn
13	07118010	NGUYỄN THÀNH LUÂN	08/11/87			5	năm
14	07118026	ĐÀM CÁN MỪNG	07/04/88			5	năm
15	07118027	NGUYỄN VĂN NGỌC	28/06/87				vắng
16	07118011	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	10/12/89			5	năm
17	07118012	LÊ THÀNH NHÂN	26/03/88				vắng
18	07118013	LÊ MINH NHẬT	18/09/89			7	bảy
19	07118014	NGUYỄN CHUÔNG PHÚ	07/08/89			2	hai
20	07118015	NGUYỄN HOÀI PHÚ	27/04/88			6	sáu
21	07118016	NGUYỄN HỮU PHỤNG	26/02/89			4	bốn
22	07118017	TRẦN VĂN THÁI	13/10/89			4	bốn
23	07118019	LƯU ĐỨC THẮNG	23/05/88			4	bốn
24	07118020	NGUYỄN VĂN TOÀN	18/06/85			5	năm
25	07118028	NGUYỄN VĂN HOÀNG TRUNG	07/06/89			6	sáu
26	07150194	BÙI QUỐC TUẤN	08/08/88			4	bốn
27	07118030	TÔ ĐÌNH VƯỢNG	20/06/87			5	năm

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 24 Số bài: 24 Số tờ: 24

Ngày 29 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn TAICC

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

ThS. Tạ Mỹ Nga

Hồ Ngọc Trâm



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In D2090

Danh Sách Ghi Điểm

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07DY (Được Thủ Y)

Môn Học

CBGD

Anh văn 2K (13610-21), 7g00 phòng thi: RD106
Nguyễn Thị Kim An (627)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	07118021	TRẦN VĂN	CHUÔNG	20/03/88					
2	07118022	PHẠM VĂN	DƯƠNG	06/03/89					
3	07118023	LÊ ANH	DƯƠNG	18/01/89					
4	07142007	NGUYỄN MINH	DOANH	24/07/86		4	bốn	alcanh	
5	07118002	TRẦN VĂN	GIANG	17/05/84					
6	07118003	ĐỖ ĐÌNH	GIÁP	08/08/87					
7	07142010	VÒNG THỊ THÚY	DUNG	03/08/88		5	năm	thi	
8	07118004	ĐÀO VINH	HIẾN	30/10/88					
9	07142012	NGUYỄN HOÀNG	DUY	16/04/89		8	tám	nguy	
10	07118005	TRẦN TIẾN	HÙNG	01/01/89					
11	07118006	PHẠM NGỌC	HƯNG	03/01/88					
12	07142022	NGUYỄN THỊ	HÀNG	20/03/89		5	năm	thi	
13	07118007	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	01/09/88					
14	07118025	HOÀNG PHÚC	LỘC	28/08/88					
15	07118008	BÙI HỮU	LỢI	19/06/89					
16	07142026	LÊ ÁNH	HỒNG	06/12/89		7	bảy	anh	
17	07118009	PHAN VĂN	LỢI	08/04/89					
18	07142028	KHÚC QUANG	HUY	19/09/89		6	sáu	nguy	
19	07118010	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	08/11/87					
20	07118026	ĐÀM CẢNH	MỪNG	07/04/88					
21	07142036	NGUYỄN THỊ MỸ	LÀI	25/02/89		5	năm	thi	
22	07118027	NGUYỄN VĂN	NGỌC	28/06/87					
23	07142037	LÊ VÕ TRƯỞNG	LÂM	22/02/89		6	sáu	nguy	
24	07118011	NGUYỄN VĂN	NGUYỄN	10/12/89					
25	07142040	NGÔ VĂN	LỊCH	28/12/85		3	ba	nguy	
26	07118012	LÊ THÀNH	NHÂN	26/03/88					
27	07142122	LÂM VĂN DƯƠNG	LUÂN	17/04/88		7	bảy	nguy	
28	07118013	LÊ MINH	NHẬT	18/09/89					
29	07142045	BÙI THỊ DIỆU	MAI	28/04/89		6	sáu	nguy	
30	07118014	NGUYỄN CHUÔNG	PHÚ	07/08/89					
31	07142048	LÊ THỊ	NGA	26/11/89		6	sáu	nguy	
32	07118015	NGUYỄN HOÀI	PHÚ	27/04/88					
33	07142049	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	22/10/89		7	bảy	ky	
34	07118016	NGUYỄN HỮU	PHỤNG	26/02/89					

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: DH07DY (Được Thú Y)
Môn Học: Anh văn 2K (13610-21)
CBGD: Nguyễn Thị Kim An (627)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
35	07118017	TRẦN VĂN THÀI	13/10/89					
36	07142060	PHẠM HỒNG PHÚC	01/09/88	5	năm	phuc		
37	07118019	LƯU ĐỨC THẮNG	23/05/88					
38	07142062	NGUYỄN QUỐC PHƯỚC	18/10/89	5	năm	phước		
39	07118020	NGUYỄN VĂN TOÀN	18/06/85					
40	07142063	PHẠM THỊ LINH	13/05/89	6	sáu	linh		
41	07118028	NGUYỄN VĂN HOÀNG	07/06/89					
42	07142066	PHAN ĐẶNG QUẾ	01/01/88	5	năm	ph		
43	07142065	VÕ THỊ MAI	02/08/88	6	sáu	mai		
44	07150194	BÙI QUỐC TUẤN	08/08/88					
45	07118030	TÔ ĐÌNH VƯỢNG	20/06/87					
46	07142067	TRẦN THỊ PHƯƠNG	04/04/89	5	năm	phuong		
47	07142076	HUỲNH THỊ THANH	04/11/89	8	tám	thanh		
48	07142078	HỒ PHƯỚC THÀNH	12/12/89	8	tám	thanh		
49	07142077	LÊ MINH THÀNH	13/09/88	5	năm	thanh		
50	07142079	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	16/05/89	6	sáu	phuong		
51	07142081	NGUYỄN QUỐC THẮNG	20/05/89	5	năm	thanh		
52	07142095	TRẦN THANH TIẾN	29/03/89	7	bảy	thanh		
53	07142096	TRẦN THỊ THANH TRÀ	11/08/89	6	sáu	thanh		
54	07142098	NGUYỄN HÀ TRANG	17/11/89					
55	07142102	NGUYỄN THỊ THỦY	24/03/89	6	sáu	thuy		
56	07142108	NGUYỄN VŨ MINH	20/11/88					
57	07142111	TRẦN THỊ HỒNG VÂN	22/04/89	6	sáu	thanh		
58	07142115	NGUYỄN DANH VIẾT	03/08/89	6	sáu	thanh		
59	07142116	NGUYỄN VĂN HOÀNG	20/01/89	6	sáu	thanh		
60	07142119	ĐỖ VĂN VŨ	12/11/89	5	năm	thanh		
61	07142118	HUỲNH PHI VŨ	09/09/89	7	bảy	thanh		

Số SV: 32 Số bài: 32 Số tờ: 2A
In Ngày 30/05/08

Ngày 29 Tháng 06 Năm 2008

Cán Bộ Coi Thi 1

Cán Bộ Coi Thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

ThS. Tạ Mỹ Nga

Hồ Ngọc Trâm



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07TM (Nhóm Thi 3) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi RD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	TH	Ng/Sinh	SĐT	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07150160	LÊ THỊ THƯƠNG	TH	02/02/88			7	bảy
2	07150161	NGUYỄN THỊ LAN	TH	24/05/89			7	bảy
3	07150162	PHẠM THỊ	TH	02/08/89			7	bảy
4	07150163	CAO MINH TIẾN	TH	17/11/89			4	bốn
5	07150165	TẠ HỮU TÌNH	TH	18/08/88			4	bốn
6	07150166	TRẦN THỊ THANH TRÀ	TH	18/02/89			6	sáu
7	07150168	ĐOÀN LÊ MINH TRANG	TH	04/08/89			6	sáu
8	07150172	LÊ THỊ THÙY TRANG	TH	01/02/88			6	sáu
9	07150176	NGUYỄN THUY VÂN TRANG	TH	03/01/89			6	sáu
10	07150175	PHẠM THỊ THÙY TRANG	TH	22/11/89			5	năm
11	07150171	THẨM THỊ TRANG	TH	12/12/89			7	bảy
12	07150169	TRẦN LÊ MINH TRANG	TH	03/03/89			6	sáu
13	07150177	NGUYỄN ĐÌNH BẢO TRÂM	TH	29/03/89			7	bảy
14	07150178	TRẦN LÊ QUỲNH TRÂM	TH	31/01/88			5	năm
15	07150179	BÙI NGỌC BẢO TRÂN	TH	15/01/88			4	bốn
16	07150180	PHAN THÀNH TỔ TRÂN	TH	10/11/88			7	bảy
17	07150184	BÙI THANH TRUNG	TH	09/05/87			8	tám
18	07150186	NGUYỄN THÀNH TRUNG	TH	28/08/89			5	năm
19	07150187	PHẠM XUÂN TRUNG	TH	22/11/88			6	sáu
20	07150185	TẠ ĐÌNH THANH TRUNG	TH	20/10/89			5	năm
21	07150189	ĐỖ MINH TRƯỞNG	TH	27/11/89			5	năm
22	07150188	HỒ NGỌC ĐẠO HẢI TRƯỞNG	TH	23/07/89			6	sáu
23	07150191	TRẦN NGỌC TÚ	TH	10/10/88			3	ba
24	07150192	VÕ THÁNH TUẤN	TH	17/05/85			4	bốn
25	07150193	TRẦN ĐỨC TUẤN	TH	20/07/88			4	bốn
26	07150196	LÊ THỊ BÍCH TUYẾN	TH	24/08/89			6	sáu
27	07123273	MAI THỊ THU TUYẾT	TH	15/07/87			7	bảy
28	07150197	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TH	12/08/89			7	bảy
29	07150199	VƯƠNG THẾ VÂN	TH	02/08/81			✓	✓
30	07150203	NGUYỄN TUYẾT VÂN	TH	18/05/89			8	tám
31	07150201	PHẠM THỊ MỸ VÂN	TH	10/06/89			8	tám
32	07150200	VÕ THỊ CẨM VÂN	TH	05/02/89			6	sáu
33	07150204	NGUYỄN QUỐC VIỆT	TH	24/10/88			7	bảy
34	07150207	LÊ THỊ MỸ VY	TH	16/12/88			4	bốn
35	07150209	NGUYỄN THỊ XOAN	TH	20/01/89			6	sáu

Vắng

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 34 Số bài: 34 Số tờ: 34

Ngày 29 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Phong

Cán bộ coi thi 2 Huỳnh Võ T. Bạch Tuyết

LE Thị Triều Phương

Xác nhận của bộ môn TAIC

Cán bộ chấm thi 1 Đặng Mỹ Tâm

Cán bộ chấm thi 2 _____

Quê

ThS. Cà Mỹ Nga



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07TM (Nhóm Thi 3) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi RD200

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tổ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07150003	BÙI NGUYỄN HOÀNG	ANH	02/10/89		8	tám
2	07150006	DƯƠNG THỰC	ANH	14/03/89		7	bảy
3	07150007	LÊ VĂN	ANH	08/02/89		5	năm
4	07150004	PHAN THỊ KIM	ANH	21/07/89		5	ngm
5	07150009	LÊ VĂN	ÂN	12/07/84		6	sáu
6	07150008	PHẠM THANH	ÂN	03/04/87			
7	07150010	NGUYỄN THỊ	BẾ	26/09/89		6	sáu
8	07150011	MA THỊ	BẾN	06/10/89		6	sáu
9	07150012	PHAN THỊ MAI	CHI	26/07/89		7	bảy
10	07150013	LÊ VĂN	CHIẾN	02/10/89		8	tám
11	07150014	THÁI LÊ	CHINH	17/09/89		9	chín
12	07150015	PHẠM QUANG	CHUẨN	23/06/88		7	bảy
13	07150017	VÕ THỊ KIM	DANH	05/05/89		6	sáu
14	07150018	TỬ THỊ BÚU	DINH	03/02/89			
15	07150019	HUYỀN CÔNG	DUNG	10/08/86		1	một
16	07150021	LÝ THỊ NGỌC	DUNG	08/07/89		4.5	nam
17	07150022	VĂN THANH	DUNG	04/10/88			
18	07150024	HUYỀN THỊ MỸ	DUYÊN	22/05/89		6	sáu
19	07150025	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	24/11/89		6	sáu
20	07150027	TRẦN VĂN	ĐEN	/01/89		6	sáu
21	07150028	TRẦN QUỐC	ĐỒNG	13/12/89		9	chín
22	07150030	LÊ VỆ	GIANG	28/10/89		8	tám
23	07150029	NGUYỄN SƠN	GIANG	15/09/89		7	bảy
24	07150032	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	13/02/88		6	sáu
25	07150031	TRẦN HOÀNG NGỌC	HÀ	11/10/89		8	tám
26	07150033	NGUYỄN MAI HỒNG	HẠNH	13/09/89		8	tám
27	07150034	TRẦN THỊ HỒNG	HẠNH	01/03/89		7	bảy
28	07150035	ĐẶNG THỊ HỒNG	HẢO	22/10/89		7	bảy
29	07150037	LÊ THỊ MINH	HÀNG	26/06/89		5	năm
30	07150036	PHAN THỊ LÊ	HÀNG	06/09/89		6	sáu
31	07150039	TRẦN THỊ THU	HIỀN	28/02/89		CT	
32	07150040	LÊ TRÍ	HIẾU	01/04/89		8	tám
33	07150041	PHẠM THỊ THANH	HỒNG	07/04/87		7	bảy
34	07150044	ĐÌNH THỊ	HUỆ	05/07/88		6	sáu
35	07150045	NGUYỄN	HUY	03/12/88			
36	07150046	TRẦN ĐỖ PHÚC	HUY	10/11/89		8	tám